SỞ GIÁO DỤC TỈNH ĐẮK LẮK **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số:..…./TB-NH *Krông Năng, ngày…..tháng 9 năm 2021*

**THÔNG BÁO**

**V/v triển khai thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh**

**Theo qui định của chính phủ, năm học 2021 – 2022**

**I/ Nội dung triển khai NĐ 116, NĐ 81, NĐ 57, NĐ 42 của chính phủ như sau:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên Nghị Định** | **Đối tượng HS có liên quan** | **Nội dung**  **được hưởng** | **Qui định**  **hồ sơ** | **Ghi chú** |
| 1 | Nghị định 116 /2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính Phủ về qui định chính sách hỗ trợ Học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn. | 1.1. Học sinh là người dân tộc thiểu số: Bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn, buôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núitheo quy định của chính phủ và nhà ở xa trường Khoảng cách từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá  **Lưu ý**:  - Các xã thuộc vùng III Huyện Krông Năng (QĐ 861/QĐ-TTG, ngày 4/5/2021): Eahồ, EaDah, Eabuk, Chư Klông;  - Các thôn, buôn đặc biệt khó khăn Huyện Krông Năng (Quyết định số 433/QĐ-UBDT Ngày 18/6/2021, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc,): buôn Kmang, buôn Yoh, buôn Yun, buôn Ea Dua, buôn Juk, thôn Tân Hiệp, thôn Ea Lê, buôn Tleh, buôn Dliêya A, thôn Ea Tu (Xã Dliêya); buôn Trăp (xã Ea Tam); thôn Giang Thọ (xã Tam Giang). | Hưởng theo khoản 1, điều 5 nghị định này, mỗi học sinh mỗi tháng được hưởng:  - Hỗ trợ tiền ăn: bằng 40% mức lương cơ sở, hưởng không quá 9 tháng /năm/HS.  - Hỗ trợ tiền nhà ở: bằng 10% mức lương cơ sở, hưởng không quá 9 tháng /năm/HS.  - Hỗ trợ gạo: 15 kg gạo. hưởng không quá 9 tháng /năm/HS. | - Đơn đề nghị (Mẫu số 02)  - Giấy xác nhận ở trọ do công an xã Ea Toh ký xác nhận.  - Sổ hộ khẩu photo công chứng không quá 6 tháng.  - Giấy xác nhận khoảng cách từ nhà đến trường là 10km trở lên do UBND xã, thị trấn ký xác nhận. |  |
| 1.2. Học sinh là người Kinh: Ngoài các qui định như học sinh dân tộc thiểu số (như đã nêu ở trên) phải có thêm điều kiện là nhân khẩu trong gia định thuộc hộ nghèo theo qui định của Chính phủ. | Hưởng theo khoản 1, điều 5 nghị định này, mỗi học sinh mỗi tháng được hưởng:  - Hỗ trợ tiền ăn: bằng 40% mức lương cơ sở, hưởng không quá 9 tháng /năm/HS.  - Hỗ trợ tiền nhà ở: bằng 10% mức lương cơ sở, hưởng không quá 9 tháng /năm/HS.  - Hỗ trợ gạo: 15 kg gạo, hưởng không quá 9 tháng /năm/HS. | Ngoài hồ sơ qui định như với học sinh dân tộc thiểu số( như đã nêu ở trên) cần có thêm sổ hộ nghèo theo qui định của Chính Phủ và phải nộp hàng năm. |  |
| 2 | Nghị Định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính Phủ, [Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=651408) | 2.1.Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH ngày 9/02/2020): Con Liệt Sĩ, con AHLLVT, AHLĐ thời kì kháng chiến, con Thương Binh, con người hưởng chính sách như thương Binh, con Bệnh binh.  2.2. Học sinh khuyết tật;  2.3.Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng(11 trường hợp) và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 NĐ số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021.   2.4.Học sinh phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;  2.5. Học sinh phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ;  2.6. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ. | Miễn 100% học phí. | -Đơn xin miễn HP(PL II);  -Bản sao công chứng xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định tại mục 2.1;  -Bản sao công chứng giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại mục 2.2;  -Bản sao công chứng Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại mục 2.3;  -Bản sao công chứng Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã, thị trấn cấp cho đối tượng được quy định tại mục 2.4;  - Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ đối với đối tượng theo mục 2.5;  -Bản sao công chứng Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc) đối với đối tượng được quy định tại mục 2.6; |  |
| 2.7. Học sinh là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn . | Giảm 70% học phí. | -Đơn xin giảm HP( PL II);  -Hộ khẩu, giấy khai sinh photo công chứng đối với đối tượng thuộc mục 2.7 |  |
| 2.8. Học sinh là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;  2.9. Học sinh phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. | Giảm 50% học phí | - Đơn xin giảm HP, (PL II);  - Bản sao công chứng Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng thuộc mục 2.8;  -Bản sao công chứng Giấy xác nhận hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại mục 2.9. |  |
| 2.10. Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ;  2.11. Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.  2.12. Học sinh phổ thông ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn. | Hỗ trợ chi phí học tập với mức 150.000đ/HS/tháng(hưởng không quá 9 tháng /năm) | -Đơn xin theo mẫu (PLIII)  - Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do UBND xã , thị trấn xác nhận đối với mục 2.10;  - Bản sao công chứng Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại mục 2.11;  - Bản sao công chứng hộ khẩu thường trú đối với mục 2.12; |  |
| 3 | Nghị định 57/2017/NĐ-CP, ngày 9/5/2017 **quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên (HSSV) dân tộc thiểu số rất ít người.** | 3.1. Học sinh, thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ơ Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ (sau đây gọi là dân tộc thiểu số rất ít người). | -Được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 40% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.  -Thời gian hưởng:  **12 tháng/năm cho đối tượng có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên.** | -Đơn xin hỗ trợ;  -Hộ khẩu photo công chứng. |  |
| 4 | Thông tư liên tịch số 42/2013/BGDĐT-BLĐTBXH, ngày 31/21/2023, của BGDĐT và BLĐTBXH về qui định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật. | 4.1.Học sinh khuyết tật đươc cơ quan chức năng xác nhận.  4.2. HSKT thuộc hộ nghèo và cận nghèo. | -HS khuyết tật(HSKT) được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại NĐ số 81/2991/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính Phủ;  - HSKT thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ(hưởng 9 tháng/ năm).  -HSKT thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập với mức 1.000.000 đồng/người/năm học. | -Bản sao công chứng giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp đối với đối tượng thuộc mục 4.1;  - Giấy chứng nhận(sổ)HSKT là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (bản sao có công chứng) đối với đối tượng thuộc mục 4.2. |  |

***Lưu ý****:*

*- Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính Phủ với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao hơn quy định tại văn bản pháp luật khác;*

*- Không áp dụng chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian người học bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học; học lại, lưu ban (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc dừng học vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì thủ trưởng cơ sở giáo dục xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định và tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này;*

*- Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo;*

*- Học sinh phổ thông vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập, chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ các giấy tờ liên quan nói trên kèm đơn theo mẫu (Phụ lục IV) của Nghị định 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính Phủ.*

**II/Hướng dẫn qui trình thực hiện.**

**-** Từ ngày 13/9/2021 đến 15/9/2021: Thực hiện rà soát, nghiên cứu và triển khai thông báo này đến học sinh, CB, GV toàn trường;

- Từ ngày 16/9/2021 đến ngày 20/9/2021: GVCN lớp tổ chức triển khai, hướng dẫn và hỗ trợ nội dung thông báo đến học sinh, PHHS ( lớp chủ nhiệm);

- Từ ngày 21/9/2021 đến ngày 10/10/2021: Học sinh, phụ huynh học sinh thuộc đối tượng được hưởng hoàn tất đầy đủ hồ sơ theo hướng dẫn nêu trên và nộp về cho GVCN lớp;

- Từ ngày 11/10/2021 đến ngày 15/10/2021: GVCN thực hiện kiểm tra hồ sơ (hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung… nếu có) nộp toàn bộ hồ của lớp mình sơ về bộ phận kế toán nhà trường (kèm theo bảng thống kê tổng hợp chế độ chính sách của lớp CN- Phụ Lục I(a);

- Từ ngày 16/10/2021 đến ngày 25/10/2021: Bộ phận kế toán tổ chức rà soát, kiểm tra độ chính xác của hồ sơ chế độ chính sách học sinh, gửi hồ sơ và báo cáo tổng hợp về đồng chí Hồ Đức Toàn PHT (kèm theo bảng thống kê tổng hợp chế độ chính sách toàn trường -Phụ Lục I(b);

- Từ ngày 26/10/2021 đến 30/10/2021: báo cáo Hiệu trưởng nhà trường về công tác chế độ chính sách học sinh và tổ chức họp xét nội dung chế độ chính sách học sinh toàn trường.

***Trên đây là thông báo về toàn bộ các nội dung về chế độ chính sách của học sinh năm học 2021-2022, nhà trường yêu cầu tất cả các cá nhân và bộ phận có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, chính xác và đúng thời gian qui định. Nếu có vướng mắt trực tiếp trao đổi với bộ phận phụ trách hoặc tham thảo thêm tại văn bản gốc liên quan đến các nội dung chế độ chính sách học sinh./.***

**Nơi nhận:**

**HIỆU TRƯỞNG**

- Lãnh đạo;

- Tất cả GVCN;

- Các tổ bộ môn;(qua Mail);

- Niêm yết bảng tin;

- Kế toán, Thủ Qũy;

- Lưu VT.

**Trần Viết Lượng**

**Phụ lục I(a)**

*(Kèm theo thông báo số….ngày tháng năm 2021)*

**SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ ĐỘC LẬP- TỰ DO- HẠNH PHÚC

**BẢNG TỔNG HỢP CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH HỌC SINH**

**NĂM HỌC 2021-2022**

* LỚP:……….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên HS** | **NĐ 116 /2016/NĐ-CP** | | **Nghị Định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021** | | | | | | | | | | | | **NĐ 57/2017/NĐ-CP** | **TTLT 42/2013/BGDĐT-BLĐTBXH** | |
|  |  | 1.2 | 1.2 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 2.4 | 2.5 | 2.6 | 2.7 | 2.8 | 2.9 | 2.10 | 2.11 | 2.12 | 3.1 | 4.1 | 4.2 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Lưu ý: GVCN đánh dấu X vào ô có học sinh được hưởng CĐCS tương ứng.

*Krông Năng, Ngày tháng năm 2021*

**GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM**

**Phụ lục I(b)**

(*Kèm theo thông báo số….ngày tháng năm 2021)*

**SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ ĐỘC LẬP- TỰ DO- HẠNH PHÚC

**BẢNG TỔNG HỢP CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH HỌC SINH**

**TOÀN TRƯỜNG, NĂM HỌC 2021-2022**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lớp** | **SLHS hưởng theo NĐ 116 /2016/NĐ-CP** | | **SLHS hưởng theo NĐ số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021** | | | | | | | | | | | | **SLHS hưởng theo NĐ 57/2017/NĐ-CP** | **SLHS hưởng theo TTLT 42/2013/BGDĐT-BLĐTBXH** | |
|  |  | 1.2 | 1.2 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 2.4 | 2.5 | 2.6 | 2.7 | 2.8 | 2.9 | 2.10 | 2.11 | 2.12 | 3.1 | 4.1 | 4.2 |
| 1 | 10A1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 10A2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 10A3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 10A4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | ……. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | …….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú**: SLHS: số lượng học sinh.

*Krông Năng, Ngày tháng năm 2021*

**KẾ TOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMMẫu số 02  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ****(Dùng cho học sinh THCS, học sinh THPT học bán trú tại trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn)**

**(NĐ116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của chính phủ)**

Kính gửi: **Trường THPT Nguyễn Huệ**

Họ và tên học sinh: .............................................................................................................

Sinh ngày………….. tháng…………… năm........................................................................

Dân tộc: .............................................................................................................................

Thường trú tại thôn/bản………………………………… xã...................................................

thuộc vùng: ........................................................................................................................

Huyện ................................................................ Tỉnh…………………………………………

Năm học………………… Là học sinh lớp:………… Trường...............................................

Vì lý do (chọn 1 trong 2 lý do sau):

- Nhà ở xa trường (ghi rõ cách nơi học tập bao nhiêu km): ...............................................

- Địa hình giao thông khó khăn: □

Nên em không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày.

Vì vậy, em làm đơn này đề nghị nhà trường xem xét, trình cấp có thẩm quyền để em được hưởng chính sách hỗ trợ tiền và gạo theo quy định tại Nghị định số: ……/2016/NĐ-CP ngày…… tháng…… năm 2016 của Chính phủ, gồm:

1. Tiền ăn □

2. Tiền nhà ở (đối với trường hợp học sinh phải tự lo chỗ ở) □

3. Gạo: □

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………, ngày…… tháng…… năm 20....* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ, tên)* |

**Phụ lục II**

**MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ**

(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ**

(Dùng cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên công lập)

Kính gửi: Trường THPT Nguyễn Huệ

Họ và tên (1) :..............................................................................................

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2) :............................................

Hiện đang học tại lớp:.................................................................................

Trường:........................................................................................................

Thuộc đối tượng: (ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số...)

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

Krông Năng, ngày... tháng ... năm 2021

**Người làm đơn**

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục III**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**  
(Dùng cho các đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)

Kính gửi: Trường THPT Nguyễn Huệ.

Họ và tên (1):..................................................................................................

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2):...............................................

Hiện đang học tại lớp:.....................................................................................

Trường:.............................................................................................................

Thuộc đối tượng: (ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

Krông Năng, ngày... tháng ... năm 2021

**Người làm đơn**

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục IV**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

 (Dùng cho các đối tượng được hưởng đồng thời chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)

Kính gửi: Trường THPT Nguyễn Huệ

Họ và tên (1) :..................................................................................................

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2):................................................

Hiện đang học tại lớp:......................................................................................

Trường:............................................................................................................

Thuộc đối tượng: (ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được miễn giảm học phí và cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Krông Năng, ngày... tháng ... năm 2021  **Người làm đơn**  (Ký tên và ghi rõ họ tên) |